

Bài giảng 5
GIỚI THIỆU

Phương pháp và thiết kế nghiên cứu



Vũ Thành Tụ Anh

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

3/7/2018

Nội dung trình bày



- ❧ Giới thiệu khái quát về môn học
- ❧ Nghiên cứu khoa học - định tính và định lượng
- ❧ Bốn thành tố của thiết kế nghiên cứu
- ❧ Bốn chủ đề xuyên suốt của Phương pháp Nghiên cứu

Mục tiêu và nội dung của môn học



- ❧ Giúp học viên làm luận văn thạc sỹ:
 - ❧ *Nghiên cứu* chính sách
 - ❧ *Phân tích* chính sách
- ❧ **Phần 1:** Chủ đề, công cụ và phương pháp tiếp cận phân tích chính sách từ quan điểm của các lĩnh vực chính sách
- ❧ **Phần 2:** Giới thiệu thiết kế và lựa chọn phương pháp *nghiên cứu chính sách* (policy research)
- ❧ **Phần 3:** Quy trình thực hiện một bài *phân tích chính sách* (policy analysis)

Giáo trình và điểm số



☞ Giáo trình:

- ☞ **Brady, Henry và David Collier (2010)**. Tư duy lại về nghiên cứu xã hội: Công cụ đa dạng, tiêu chuẩn thống nhất (Rethinking Social Inquiry: Diverse Tools, Shared Standards), Rowmand and Littlefield Publishers.
- ☞ **Dunn, William N. (2008)**. Phân tích chính sách công: Nhập môn (Public Policy Analysis: An Introduction), tái bản lần thứ 4, Pearson: Prentice Hall.
- ☞ **Creswell, John W. (2003)**. Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp định tính, định lượng và hỗn hợp (Research Design: Qualitative, Quantitative, và Mixed Methods Approaches), tái bản lần thứ 2. Sage Publications.
- ☞ **King, Gary, Robert O. Keohane, và Sidney Verba (1994)**. Thiết kế nghiên cứu xã hội (Designing Social Inquiry). Princeton: Princeton University Press. [KKV]
- ☞ **Weimer, David L. và Aidan R. Vining (2005)**. Phân tích chính sách: Khái niệm và thực tiễn (Policy Analysis: Concepts và Practice), Pearson: Prentice Hall.

☞ Điểm tổng hợp được tính như sau:

- | | |
|--|-----|
| ☞ Tham gia trên lớp: | 10% |
| ☞ Bài phản biện về thiết kế nghiên cứu (27/7): | 30% |
| ☞ Thiết kế nghiên cứu (14/9): | 60% |

Nghiên cứu khoa học



- ❧ **Mục đích là suy luận.** Từ chưa biết đến hiểu biết
- ❧ **Kết luận không chắc chắn.** Đi đến những kết luận chắc chắn từ những dữ liệu bất định là bất khả thi
- ❧ **Quy trình có tính công khai.** Phương pháp/công cụ công khai, chuẩn hóa, và minh bạch mà người khác có thể đánh giá độ tin cậy
- ❧ **Tính khoa học nằm ở phương pháp và quy tắc suy luận.** Nội dung của “khoa học” chủ yếu là phương pháp và quy tắc, chứ không phải đề tài

Nghiên cứu định tính và định lượng



- ❧ **Nghiên cứu định lượng** sử dụng con số và các phương pháp thống kê [tổng quát hóa-hệ thống-định lượng]
 - ❧ Đo lường có tính định lượng
 - ❧ Khái quát hóa từ một tập hợp các trường hợp cụ thể (mẫu)
 - ❧ Kiểm định các giả thuyết nhân quả
 - ❧ Có thể dễ dàng lặp lại.
- ❧ **Nghiên cứu định tính** sử dụng bằng chứng, lý thuyết, và lập luận logic [biện luận-nhân sinh-định tính]
 - ❧ Không lệ thuộc các đại lượng đo lường bằng số
 - ❧ Thường tập trung vào một (số ít) trường hợp (ví dụ như phỏng vấn sâu hay phân tích chi tiết tư liệu lịch sử)
 - ❧ Giải thích khái quát/toàn diện một sự kiện [giải thích giả thuyết nhân quả]
 - ❧ Khó có thể lặp lại

Bốn thành tố của Thiết kế nghiên cứu



- ❧ Vấn đề và câu hỏi nghiên cứu
- ❧ Lý thuyết
- ❧ Dữ liệu
- ❧ Sử dụng dữ liệu

Vấn đề nghiên cứu



- ❧ Tìm vấn đề nghiên cứu ở đâu hay chọn đề tài phân tích như thế nào?
- ❧ Đề tài nghiên cứu thường có tính cá nhân và đặc thù
- ❧ Một cách lý tưởng, nghiên cứu KHXH cần thỏa mãn hai tiêu chí.
 - ❧ Vấn đề “quan trọng”
 - ❧ Có đóng góp cụ thể (gia tăng khả năng của giới nghiên cứu trong việc thiết lập những cách giải thích khoa học về một khía cạnh nhất định của thế giới)

Làm thế nào để có “đóng góp”?



- ❧ Xác nhận hay bác bỏ một giả thuyết quan trọng mà chưa ai hoàn tất một nghiên cứu hệ thống
- ❧ Bác bỏ hay đưa ra một giả thuyết thay thế đối với một giả thuyết đã được chấp nhận phổ biến:
 - ❧ Petrus Trương Vĩnh Ký: “*sic vos non vobis*” “ở với họ mà không theo họ” sv. “*không phải cho tôi*”
- ❧ Trình bày bằng chứng sâu xa hơn cho một cuộc tranh luận
- ❧ Làm sáng tỏ hay đánh giá những giả định mà chưa được chất vấn trong kho tư liệu nghiên cứu
- ❧ Phát hiện một đề tài quan trọng đã bị bỏ qua, và thực hiện nghiên cứu có tính hệ thống cho lĩnh vực đó
- ❧ Sử dụng lý thuyết hay bằng chứng được thiết kế cho một mục đích nào đó cho một lĩnh vực khác

Cải thiện lý thuyết



- ❧ Hãy chọn những lý thuyết có thể sai (falsifiable):
Bằng chứng nào sẽ thuyết phục rằng chúng ta sai?
- ❧ Để đảm bảo một lý thuyết có thể sai, hãy chọn một lý thuyết có khả năng tạo ra càng nhiều *biểu hiện có thể quan sát* càng tốt.
- ❧ Khi thiết kế lý thuyết, càng cụ thể càng tốt.

Cải thiện chất lượng dữ liệu



- ❧ Dữ liệu là những thông tin về thế giới - định tính hoặc định lượng - được thu thập một cách hệ thống
- ❧ *Ghi chép và tường thuật quá trình tạo ra dữ liệu.*
- ❧ *Để đánh giá lý thuyết tốt hơn, hãy thu thập dữ liệu về càng nhiều biểu hiện có thể quan sát càng tốt.*
- ❧ *Tối đa hóa độ đúng đắn (validity) của các đại lượng đo lường.*
- ❧ *Đảm bảo các phương pháp thu thập dữ liệu là đáng tin cậy*
- ❧ *Một cách lý tưởng, mọi dữ liệu và phân tích nên có khả năng lặp lại*

Cải thiện sử dụng dữ liệu hiện có



- ❧ Bất kỳ khi nào có thể, ta nên sử dụng dữ liệu để đưa ra những suy luận '*không thiên lệch*', nghĩa là sẽ đúng trên phương diện bình quân
 - ❧ Nên trù liệu vấn đề trước khi bắt đầu thu thập dữ liệu
- ❧ Cố gắng *tăng* '*hiệu suất*' thống kê: Tối đa hóa giá trị thông tin sử dụng để đưa ra các suy luận mô tả hay suy luận nhân quả

Các chủ đề xuyên suốt



- ❧ *Sử dụng các biểu hiện có thể quan sát để kết nối lý thuyết và dữ liệu (và ngược lại):* Các biểu hiện có thể quan sát của lý thuyết giúp *định hướng* quá trình thu thập dữ liệu và giúp *phân biệt* những dữ kiện phù hợp và không phù hợp
- ❧ *Tối đa hóa đòn bẩy:* Giải thích càng nhiều càng tốt bằng cách sử dụng càng ít thông tin càng tốt
- ❧ *Tường thuật về tính bất định*
- ❧ *Tư duy như một nhà khoa học xã hội:* Tinh thần hoài nghi và những giả thuyết cạnh tranh